

hoa 2

By qnujs

WORD COUNT

8601

TIME SUBMITTED

30-OCT-2025 10:09AM

PAPER ID

118817375

The application of digital technology to ensure citizens' right to participate in state governance within the two-tier local government structure

Nguyen Thi Quynh Hoa^{1,*}, Pham Thi Kim Chi², Le Kieu My², Bui Thi Nhu Mai², Bui Nguyen Yen Nhi²

ABSTRACT

The advancement of digital technology has introduced new channels for citizens to engage in public administration. Within the two-tier local government framework, digital transformation facilitates citizens' access to information, consultation, and policy feedback, thereby enhancing their capacity to monitor the performance of public authorities. This article analyzes the legal foundations ensuring citizens' participation in state administration and explores the relationship between digitalization and the realization of this right, based on empirical evidence from Vietnam. The findings reveal that digital transformation contributes to promoting openness, strengthening accountability, and improving governance efficiency. However, several challenges remain, including the digital divide, unequal access, data security risks, and inconsistencies within the legal framework. Accordingly, the study proposes a set of solutions focused on institutional improvement, digital capacity building, and the active engagement of citizens in developing a democratic, transparent, and effective digital government.

Keywords: *digital technology, citizens, state governance, two-tier local government.*

Ứng dụng công nghệ số để thúc đẩy quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân trong tổ chức chính quyền địa phương hai cấp

TÓM TẮT

Sự phát triển công nghệ số đã mở ra những phương thức mới để có an tham gia vào quá trình quản lý nhà nước. Trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp, việc chuyển đổi số giúp người dân dễ dàng tiếp cận thông tin, tham vấn và phản hồi chính sách, nâng cao khả năng giám sát hoạt động của cơ quan công quyền. Bài viết tập trung phân tích nền tảng pháp lý bảo đảm quyền tham gia của công dân trong quản lý nhà nước, đồng thời chỉ ra mối liên hệ giữa công nghệ số và thực hiện quyền này từ thực tiễn ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy ứng dụng công nghệ số góp phần thúc đẩy tính công khai, tăng trách nhiệm giải trình và hiệu quả quản trị, song vẫn còn những rào cản như khả năng cách số, bất bình đẳng trong tiếp cận, nguy cơ mất an toàn dữ liệu và sự thiếu đồng bộ trong khung pháp lý. Trên cơ sở đó, bài viết kiến nghị nhóm giải pháp về hoàn thiện thể chế, phát triển năng lực số và tăng cường vai trò chủ động của công dân trong xây dựng chính quyền số dân chủ, công khai và hiệu quả.

Từ khóa: công nghệ số, công dân, quản lý nhà nước, chính quyền địa phương hai cấp.

1. GIỚI THIỆU

Trong tiến trình chuyển đổi số và yêu cầu xây dựng nền hành chính hiện đại, việc tạo cơ chế để người dân tham gia vào hoạt động quản lý nhà nước ngày càng trở nên cần thiết. Hiến pháp năm 2013 đã khẳng định đây là một quyền hiến định quan trọng của công dân, được cụ thể hóa trong hệ thống pháp luật hiện hành. Những quy định này đặt nền tảng pháp lý cho việc người dân được tham gia đóng góp ý kiến, phản biện và giám sát qua trình tổ chức, vận hành của bộ máy hành chính nhà nước.

Sau quá trình sắp xếp, đổi mới, tinh gọn bộ máy hành chính, mô hình chính quyền địa phương hai cấp bộc lộ một số thách thức trong việc bảo đảm quyền tham gia thực chất của công dân. Việc mở rộng quy mô quản lý và sự phân bổ dân cư không đồng đều khiến cho khả năng tiếp cận thông tin và phản biện của người dân còn hạn chế. Dân số tăng nhanh, nhu cầu xã hội đa dạng cùng khoảng cách địa lý giữa người dân và cơ quan hành chính khiến các phương thức tham gia trực tiếp truyền thống không còn đáp ứng hiệu quả như trước. Sự đổi mới trong tổ chức đơn vị hành chính cũng phần nào làm giảm tính gắn kết cộng đồng, thu hẹp cơ hội đối thoại giữa người dân và chính quyền cấp cơ sở, dẫn đến sự chậm trễ trong việc tiếp nhận và xử lý các phản ánh từ thực tiễn. Trong bối cảnh đó, việc ứng dụng các nền tảng công nghệ số được xem là hướng đi quan trọng nhằm mở rộng kênh tương tác giữa chính quyền và công dân, giúp người dân dễ dàng tiếp cận thông tin, gửi ý kiến, giám sát và phản hồi chính sách mà không bị giới hạn bởi không gian hay thời gian.

Từ thực tế nêu trên, bài viết tập trung phân tích vai trò của công nghệ số trong việc tăng cường sự tham gia của người dân vào hoạt động quản lý nhà nước trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp; đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, nâng cao năng lực số cho cơ quan công quyền và công dân. Nghiên cứu này cũng góp phần bổ sung góc nhìn mới về mối quan hệ giữa chuyển đổi số và quyền tham gia quản lý nhà nước, làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng chính sách dân chủ ở cơ sở và nâng cao chất lượng quản trị công minh bạch, hiện đại.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ

2.1. Quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân

Trong mọi giai đoạn phát triển của Nhà nước Việt Nam, vị nhân dân tham gia vào hoạt động quản lý nhà nước luôn được thừa nhận là một quyền chính trị cốt lõi. Từ Hiến pháp đầu tiên năm 1946 cho đến Hiến pháp năm 2013, tinh thần “Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân” được duy trì xuyên suốt, thể hiện nguyên tắc hiến định rằng toàn bộ quyền lực nhà nước bắt nguồn từ nhân dân. Trên cơ sở đó, công dân có thể thực hiện quyền của mình thông qua các hình thức khác nhau, từ việc tham gia trực tiếp vào thảo luận, phản biện và trưng cầu ý dân, đến việc ủy quyền gián tiếp thông qua bầu cử, ứng cử, hoặc hoạt động của các tổ chức đại diện và đoàn thể chính trị - xã hội.

1 Xét từ bình diện lý luận, quyền này được xây dựng trên nền tảng của nhiều học thuyết kinh điển trong lịch sử tư tưởng 81 chính trị - pháp lý. Học thuyết chủ quyền nhân dân cho rằng nguồn gốc của mọi quyền lực công đều thuộc về nhân dân 137. Nhà nước chỉ là cơ quan được ủy quyền để thực thi quyền 2. Học thuyết dân chủ nhấn mạnh việc người dân tham gia vào các quá trình chính trị - hành chính, trực tiếp hoặc 9 thông qua cơ chế đại diện, như một biểu hiện của quyền làm chủ. 2 Còn theo học thuyết pháp quyền, việc nhân dân tham gia giám 37 và kiểm soát hoạt động của cơ quan công quyền là điều kiện để ngăn chặn sự lạm quyền, bảo đảm rằng mọi hành vi của Nhà nước đều phải tuân thủ pháp 230. 3 Trong khoa học quản trị công hiện đại, tiếp cận Quản trị công mới (New Public Governance) xem công dân là một chủ thể đồng hành trong quản trị, nhấn mạnh sự hợp tác giữa Nhà nước, xã hội và người dân nhằm nâng cao hiệu quả, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của bộ máy hành chính. 4

231
17
149
41
6
111
3
28
184
116
17
Tur tướng “dân là gốc” của Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp nối và phát triển tinh thần của các học thuyết đó trong bối cảnh Việt Nam. Theo Người, nhân dân không chỉ là người sáng lập nên Nhà nước mà còn là lực lượng quyết định sự tồn tại và phát triển của chế độ. 6 Quan điểm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” 1228. Người nêu ra đã cụ thể hóa một số sinh động quyền làm chủ của nhân dân trong quản lý xã hội, 32 nhân dân vừa là chủ thể quyền lực, vừa là động lực thúc đẩy tiến bộ xã hội. 5 Do vậy, việc công dân tham gia quản lý nhà nước vừa là biểu hiện bản chất dân chủ của 184 độ, vừa là cơ chế để nhân dân thực hiện quyền kiểm soát đối với bộ máy công quyền, củng cố niềm tin xã hội và hướng tới phát triển bền vững.

Trên phương diện pháp lý, quyền tham gia quản lý nhà nước được quy định rõ trong Hiến pháp năm 2013. Điều 28 xác định rằng công dân có quyền tham gia vào quản lý nhà nước và xã hội, được thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các 91, đề của cộng đồng, địa phương và cả nước; đồng thời, Điều 2 khẳng định nguyên tắc căn bản: toàn bộ quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Các quy định hiến định này đã được cụ thể hóa thông qua nhiều đạo luật chuyên ngành.

151
37
4
79
223
75
16
150
2
9
1
236
151
thể, các văn bản pháp luật điều chỉnh về bầu cử và đại diện dân cử quy định quyền bầu chọn, ứng cử và giám sát hoạt động của đại biểu. Các văn bản quy định về 223 0 của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đề 75 đến việc nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và thực hiện phân biện xã hội. Các 16 m bản quy định về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật 150 p quyền của công dân được đóng góp ý kiến vào quá trình hoạch định chính sách. Trong khi đó, các 2 quy định về quyền tiếp cận thông tin báo đảm công dân được yêu cầu, thu thập và khai thác dữ liệu từ cơ quan nhà nước. Cuối cùng, các quy định về thực hiện 9 chủ tại cơ sở tạo điều kiện để người dân trực tiếp tham gia bàn bạc, giám sát và phản hồi hoạt động của chính quyền địa phương. Hệ thống pháp luật hiện nay vì thế đã hình thành một h 236 lang tương đối toàn diện, bảo đảm để quyền tham gia của công dân được thực thi một cách thực chất, ở cả cấp trung ương lẫn địa phương.

2.2. Công nghệ số và mối quan hệ 1 với quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân trong chính quyền địa phương hai cấp

16 2.2.1. Khái niệm công nghệ số

201
163
234
72
177
38
Khái niệm “công nghệ số” được xác định trong Luật Công nghiệp công nghệ số 163 m 2025 như là sự kết hợp của các phương pháp, quy trình và công cụ kỹ thuật nhằm xử lý, truyền tải, lưu trữ 234, khai thác thông tin, dữ liệu ở dạng số hóa. Theo tinh thần của quy định này, 72 g nghệ số không chỉ bao gồm các thiết bị và ph 177 mềm, mà còn bao hàm toàn bộ hệ thống tổ chức, quy trình và hạ tầng phục vụ cho việc tạo lập, vận hành và chia sẻ dữ liệu số trong hoạt động kinh tế - xã hội. 6

38
52
214
5
106
113
Dưới 52 c nhìn của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), công nghệ số được xem là tập hợp nhữn 214 ng lực kỹ thuật và phương thức quản trị dữ liệu nhằm tạo ra giá trị gia tăng và hỗ trợ các 1242 động của chính phủ, doanh nghiệp và cộng dân trong môi trường mạng. Cách hiểu này nhấn mạnh đến khả năng kết nối, xử lý thông tin và ra quyết định dựa trên dữ liệu, coi dữ liệu là tài nguyên trung tâm của nền kinh tế số. 7 Báo cáo E-Government Survey 2022 của Liên Hợp Quốc cũng chỉ ra rằng, công n 106 số đang trở thành động lực then chốt của “quản trị thế kỷ XXI”, góp phần thúc đẩy 138 h bạch, mở rộng sự tham gia của công dân và nâng cao hiệu quả quản 31 nhà nước. 8 Trong bối cảnh đó, công nghệ số không chỉ là công cụ kỹ thuật mà còn là yếu tố 113 h hình phương thức hoạt động của chính quyền hiện đại, nơi người dân được khuyến khích tham gia vào quá trình hoạch định và giám sát chính sách công thông qua các nền tảng trực tuyến.

2.2.2. Đặc điểm của công nghệ số

Công nghệ số thể hiện nhiều đặc trưng riêng, qua đó tạo thêm điều kiện để người dân chủ động tham gia vào hoạt động quản lý nhà nước.

Thứ nhất, công nghệ số cho phép loại bỏ rào cản về không gian và 198 gian. Công dân có thể tiếp cận thông tin, chuyển tải kiến nghị 76 phản ánh đến cơ quan công quyền ở 143 nơi, vào bất kỳ thời điểm nào. Nhờ đặc tính này, việc trao đổi hai chiều giữa Nhà nước và người dân trở nên linh hoạt, kịp thời và hiệu quả hơn trước.

Thứ hai, năng 229 kết nối và chia sẻ dữ liệu của công nghệ số giúp việc thu thập, tổng hợp và lan truyền ý kiến xã hội 51 ra nhanh chóng và toàn diện hơn. Nhờ vậy, tiếng nói của công dân được phản ánh sâu rộng hơn trong quá trình hoạch định, điều hành và giám sát các chính sách công.

Thứ ba, công nghệ số củng cố tính công khai và 161 năng truy xuất dữ liệu của các hoạt động quản lý. Các thao tác, phản hồi hay quyết định được lưu giữ tự động trên hệ thống, giúp người dân có thể theo dõi, đánh giá 3 giám sát mức độ thực thi trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước. Điều này tạo cơ sở vững chắc để kiểm soát quyền lực công một cách minh bạch.

Thứ tư, nhờ 186 tính mở và khả năng huy động sự tham gia của đông đảo công dân, công nghệ số làm giảm đáng kể những giới hạn về thời gian, chi phí và khoảng cách. Từ đó, nhiều 55 lớp trong xã hội có thể cùng tham dự vào quá trình quản lý, góp phần đa dạng hóa ý chí cộng đồng và tăng cường tính dân chủ trong đời sống hành chính.

Tóm lại, những đặc điểm nêu trên đã khiến 47 công nghệ số trở thành hạ tầng quan trọng trong tiến trình đổi mới quản trị nhà nước. 133 không chỉ giúp bộ máy hành chính hoạt động hiệu quả 11, mà quan trọng hơn là mở rộng không gian để người dân thực hiện quyền làm chủ của mình. Qua đó, ph 6 ng châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” được cụ thể hóa trong môi trường số, phù hợp với yêu cầu của giai đoạn chuyển đổi hiện nay.

2.2.3. Mối quan hệ giữa công nghệ số, quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân và chính quyền địa phương hai cấp

Công nghệ số, quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp 123 có liên hệ gắn bó, bổ trợ lẫn nhau. Trong cấu trúc đó, công nghệ số đóng vai trò phương tiện, giúp công dân có điều kiện thuận lợi hơn để thể hi 4 quyền làm chủ; còn chính quyền địa phương hai cấp là không gian thể chế để quyền ấy được thực hiện trên thực tế. Khi người dân có thể tiếp 2 cận thông tin, tham gia đối thoại chính sách và giám sát hoạt động công quyền thông qua môi trường số, quyền tham gia quản lý nhà nước không chỉ tồn tại trên văn bản mà trở nên thực chất hơn.

Ở góc độ lý luận, các công trình nghiên cứu về quản trị công hiện đại đều nhấn mạnh rằng 22 công nghệ số là nền tảng cốt lõi của mô 183 “chính phủ mở”, trong đó công dân không còn là đối tượng thụ hưởng thụ động mà trở thành chủ thể tham gia tích cực vào toàn bộ chu trình chính sách. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, ứng dụng công nghệ số góp phần mở rộng kênh tham gia, t 2 c đẩy minh bạch thông tin và tăng cường lòng tin xã hội 11 với bộ máy hành chính. Vì vậy, công nghệ số không chỉ mang giá trị về kỹ thuật, m 182 n thể hiện giá trị dân chủ khi tạo điều kiện để người dân t 10 hiện quyền làm chủ, đồng thời hỗ trợ chỉ 30 quyền địa phương hai cấp hoạt động hiệu quả, linh hoạt và có trách nhiệm hơn trong thời kỳ đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước.

Trong tiến trình cải cách 20 chức chính quyền địa phương ở Việt Nam, chuyển đổi số đang được xem là nền tảng 11 thể chế mới nhằm bảo đảm quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân. Điều này thể hiện rõ trong Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về “thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ 21 anh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị”. Kế 73 sách nhấn mạnh nguyên tắc “Một hệ thống thống nhất - Một dữ liệu duy nhất - Một dịch vụ liên mạch”, lay dữ liệu làm trung tâm, đảm bảo t 3 “đúng, đủ, sạch, sống, 6 óng nhất và dùng chung” trong toàn bộ hoạt động quản trị. Điều này phản ánh sự gắn kết chặt chẽ giữa chuyển đổi số 40 cải cách bộ máy hành chính, trong đó việc tinh gọn cấp chính quyền 233 lực sự hiệu quả khi đi đôi với hạ tầng số đồng bộ và hệ thống dữ liệu mở, cho phép công dân dễ dàng phản ánh, kiến nghị và giám sát qua môi trường điện tử.

Từ góc nhìn của công dân, công nghệ số có nhiều vai trò thiết thực gắn liền với đặc điểm của chính quyền hai cấp hiện nay. Cụ thể:

Việc rút gọn cấp chính quyền dẫn đến phạm vi quản lý của mỗi cấp trở nên rộng hơn, trong khi đầu mối trung gian giảm đi. Nếu thiếu kênh thông tin hiệu quả, khoảng cách giữa chính quyền và công dân sẽ gia tăng. Ứng dụng công nghệ số - với khả năng kết nối tức thời và không giới hạn về không gian - giúp

thu hẹp khoảng cách này, bảo đảm người dân ở vùng xa ⁵² **van có thể tiếp cận thông tin**, gửi phản ánh và ¹⁵ **tham gia vào hoạt động quản lý**.

Bên cạnh đó, sự ⁵⁴ **tập trung** ¹⁹² **quản lý hành chính** đòi hỏi các quyết ²¹⁵ **định** từ cấp tỉnh phải được triển khai nhanh, chính xác đến cơ sở. **Hệ thống quản lý và giám sát trực tuyến cho phép phản hồi theo thời gian thực**, giúp ý kiến của công dân được chuyển tải trực tiếp mà không cần qua nhiều tầng nấc trung gian.

Ngoài ra, tích lượng lớn dữ liệu ⁴⁷ **ng các công cụ** như trí tuệ nhân tạo (AI) hay dữ liệu lớn (big data). Nhờ đó, chính quyền có thể tổng hợp và phản hồi ý kiến của người dân một cách khoa học, khách quan và minh bạch.

Cùng với đó, các nền ⁸ **số** cũng làm gia tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính ¹³⁶ **quyền địa phương**. Hệ thống dịch vụ công trực tuyến, cổng thông tin điện tử và ứng dụng tương ⁵⁵ **đi động** giúp người dân dễ dàng giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, qua đó củng cố niềm tin và tăng cường tính dân chủ trong đời sống chính trị.

Tổng hợp lại, công nghệ số đã và đang giúp ² **khắc** ³¹ **phần** hạn chế về không gian, thời gian và nhân lực trong bộ ²² **ma** tinh gọn hai cấp, đồng thời mở rộng cơ hội để người dân tham gia vào các hoạt ⁹² **động** quản lý nhà nước một cách thực chất ²³² **hơn**. Từ việc cung cấp thông tin, tham vấn chính ¹² **quyền** đến đồng quản lý và giám sát xã hội, các công cụ số đã trở thành ³ **phương** tiện hữu hiệu để hiện thực hóa phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong điều kiện **chính quyền địa phương tinh gọn**, hiện đại và gần gũi hơn với người dân.

3. THỰC TRẠNG ¹ **ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM**

3.1. Những thành tựu đạt được

⁴⁸ **Trong** những năm gần đây, Việt Nam đã ¹ **đạt** được nhiều bước tiến rõ rệt trong quá trình ²⁰⁰ **chuyển đổi số**, gắn liền với cải cách hành chính và mở rộng quyền tham gia quản lý nhà nước ¹⁴ **cho** công dân. Báo cáo Chính phủ điện tử năm ³⁶ **2024** của Liên hợp quốc ghi nhận Việt Nam đứng ở vị trí 71/193 quốc gia, tăng 15 bậc so với năm 2022. Lan đầu tiên, Việt Nam được xếp vào ¹³¹ **nhóm** các quốc gia có Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử (EGDI) ở mức “rất cao”, ⁴¹⁹ **đạt** 0,7709 điểm - cao hơn đáng kể so với mức trung bình toàn cầu là 0,6106 điểm.⁹ Cả ba cấu phần của chỉ số gồm dịch vụ công trực tuyến (OSI), hạ ⁴⁴ **cấu** viễn thông (TII) và nguồn nhân lực (HCI) đều cải thiện rõ rệt, phản ánh xu hướng số hóa toàn diện trong hoạt động quản trị nhà nước cũng như năng ¹¹⁷ **lực** cung cấp dịch vụ công trên môi trường số của Việt Nam đang tiệm cận các quốc gia có nền hành chính tiên tiến ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

⁵ **Báo cáo chuyển đổi số quốc gia năm 2024** của Bộ Thông tin và Truyền thông ¹⁶⁴ **cho** thấy những kết quả khả quan: chỉ số hạ tầng số tăng 7 bậc, chỉ số nguồn nhân ⁷⁸ **lực** tăng 36 bậc và chỉ số dịch vụ công trực tuyến tăng thêm 1 bậc so với năm trước. Đến cuối năm 2024, tỷ lệ hồ sơ giải quyết **trực tuyến** toàn trình đạt ⁴¹³ **41,3%**, tăng 28 điểm phần trăm so với năm 2023; trong đó khối các bộ, ngành trung ương đạt 62,48%.¹⁰ Công Dịch vụ công quốc gia được mở rộng, **kết nối** ¹³ **tiếp** với cơ sở dữ liệu dân cư và hệ thống định danh điện tử VNeID, giúp người dân thực hiện, theo dõi và nhận kết quả thủ tục hành ⁴⁸ **chính** trên nền tảng số. Những ¹ **tiến** bộ này không chỉ hướng tới mục tiêu nâng hạng quốc tế mà còn thể hiện rõ quyết tâm của Nhà nước **trong việc bảo đảm công dân có thể tham gia quản lý nhà nước** thông qua các công cụ số ở cấp thực thi.

⁸² **Sau** khi mô hình chính quyền địa phương hai cấp chính thức được vận hành từ ngày 01/7/2025, việc ứng ¹¹⁰ **dụng** công nghệ số tiếp tục được xác định là nhiệm vụ trọng tâm nhằm bảo đảm bộ máy ¹⁵⁷ **chính quyền** vận hành hiệu quả hoạt động và phục vụ người dân tốt hơn. Căn cứ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW, **nhiều địa phương đã chủ động rà soát, cập nhật kế hoạch chuyển đổi số** cho phù hợp với mô hình mới.

¹⁴⁶ **Tại** Đà Nẵng, theo thông tin được đăng tải trên Báo Điện tử Chính phủ với bài ⁶⁹ **Đà Nẵng: Mô hình chính quyền** ²¹⁰ **đang từng bước vận hành ổn định, thông suốt**, cho thấy địa phương đã đạt kết quả đáng ¹⁷⁰ **nhận** trong số hóa thủ tục hành chính và nâng cao trải nghiệm người dân. Toàn thành phố ² **đã** có 2.239 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, trong đó 2.109 thủ tục (tương đương gần 94%) được **cung cấp trực tuyến** qua Cổng Dịch vụ công quốc gia. Ở cấp xã, phường, đã tiếp nhận 182.661 hồ sơ, giải quyết 173.056 hồ sơ, trong đó 171.190 hồ sơ được thanh toán trực tuyến. Ở cấp sở, ban, ngành, tổng số hồ sơ tiếp nhận là 75.869, và 75.725 hồ sơ được xử lý trực tuyến. Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh tiếp nhận 49.305 hồ sơ, giải quyết 25.845 hồ sơ, trong đó 8.297 hồ sơ được xử lý trực tuyến. Ngoài ra, Đà Nẵng đã phê duyệt danh mục 1.160 thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính, tạo thuận lợi đáng kể cho người dân trong tiếp cận dịch vụ công.

Theo báo Thanh tra, trong bài viết “²⁰⁵ **Chính quyền địa phương 2 cấp** ¹⁰⁸ **Nội phục vụ người dân làm thủ tục hành chính**”, chỉ ba tháng đầu vận hành mô hình hai cấp, điểm **phục vụ hành chính công xã** Đại Thanh đã tiếp nhận 3.374 hồ sơ, giải quyết ⁴³ 44 hồ sơ, đạt tỷ lệ 95,8%; trong đó 3.198 hồ sơ được xử lý đúng hoặc sớm hơn thời hạn. Việc mở rộng dịch vụ công ⁴³ tuyến toàn trình, tích hợp thanh toán điện tử và định danh qu ¹⁶⁹ VeID đã giúp người dân giảm đáng kể thời gi ³⁰ chi phí và công sức khi thực hiện thủ tục hành chính, đồng thời tăng cường tính minh bạch và **khả năng giám sát của công dân đối với hoạt động của cơ quan nhà nước**.

Tại Thành phố Cần Thơ, bài viết ¹⁴⁴ “**Ứng dụng trí tuệ nhân tạo góp phần xây dựng chính ¹⁴⁸ quyền số tại TP Cần Thơ**” đăng trên Báo Thanh tra cho thấy toàn bộ các sở, ngành và xã, phường đều đã xử lý hồ sơ **hành ⁹⁷ nh trên môi trường số và kết nối thông qua hệ thống cầu truyền hình**. Thành phố còn tr ²⁶ khai ứng dụng **trí tuệ nhân tạo (A ⁶⁶ internet vạn vật (IoT), cảm biến mực nước và robot phân loại rác để nâng cao hiệu quả quản lý đô t ¹⁶² rởng tới mục tiêu trở thành trung tâm ²⁹ th tế số của vùng Đồng bằng sông Cửu Long vào năm 2030**. Cùng với đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng **đội n ³ cán bộ, công chức** được chú trọng nhằm đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền số, xây dựng hình ảnh **đô thị thông minh, thân thiện và bền vững**.

¹⁴⁰ Trên phạm vi cả nước, Báo cáo ⁶² 207/BC-BKHCN ngày 05/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về tình hình thực hiện cá ¹⁴ nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia khẳng định rằng Việt Nam đã đạt được những bước tiến quan trọng trong việc ứng dụng ²⁴ ng nghệ số vào hoạt động quản lý nhà nước và phát triển hạ tầng số quốc gia. Tính đến tháng 8/2025, tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công được giải quyết **trực tuyến toàn trình** đạt 39,71%, trong đó 73,85% hồ sơ được xử lý đúng hoặc trước hạn. Việc triển khai đồng bộ 25 dịch vụ công thiết yếu ¹⁴⁷ toàn trực tuyến kể từ ngày 01/10/2025 đánh dấu bước chuyển m ⁹⁸ mẽ sang mô hình quản trị số, góp phần nâng cao hiệu quả, tính minh bạch và ⁶⁵ am đáng kể gánh nặng thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Đặc biệt, sự kiện khánh ¹⁰⁵ nh **Trung tâm Dữ liệu quốc gia số 1 vào ngày 18/8/2025** - với quy mô hơn 20 ha và được đánh ²⁰² a một trong những trung tâm dữ liệu ⁵³ đại hàng đầu khu vực Đông Nam Á - đã tạo nền tảng hạ tầng dữ liệu thống nhất, phục vụ hiệu quả cho việc kết nối, chia sẻ và xử lý thông tin trên phạm vi toàn quốc.

Nhìn tổng thể, các thành tựu nêu trên phản ánh quyết tâm mạnh ²⁰ của Chính phủ trong thực hiện chiến lược chuyển đổi số quốc gia, đồng thời mở rộng khôn ²¹ lan thực hiện quyền làm chủ của công dân trong hoạt động quản lý nhà nước, đặc biệt trong bối cảnh chính quyền địa phương hai cấp bắt đầu vận hành từ ngày 1/7/2025.

¹⁰² **3.2. Những hạn chế còn tồn tại trong ứng dụng công nghệ số nhằm phát huy quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân** ¹⁵

Mặc dù **tiến trình c ³⁴ 94** ển đổi số quốc gia đã đạt được nhiều kết quả tích cực, song vẫn còn tồn tại những yếu tố cản trở ¹¹⁸ phát huy vai trò chủ thể của người dân trong quản lý nhà nước. Dù hạ tầng kỹ thuật và một số chỉ tiêu dịch vụ công trực tuyến đã được cải thiện đáng kể, các số li ²²⁷ o thấy vẫn còn nhiều “nút thắt” kỹ thuật liên quan đến đ ⁶ iệu, quy trình và cơ chế thực thi, khiến cho ²² độ tham gia chủ động của công dân q ¹²² ic nền tảng số chưa tương xứng với tiềm năng của hệ thống. Trên cơ sở ¹⁸⁹ tích Báo cáo số 207/BC-BKHCN ngày 05/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ, có thể nhận diện một số vấn đề nổi bật đang ảnh hưởng đến hiệu quả của tiến trình này như sau:

²⁴ Tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công được giải quyết **trực tuyến toàn trình** trên tổng hồ sơ hành chính mới chỉ đạt 39,71% ¹⁶⁷ c là hơn 60% hồ sơ vẫn phải qua các bước không trực tuyến - điều này giới hạn phạm vi tương tác, phản hồi và tham gia của công dân thông qua kênh số. Mức **độ số hóa** kết quả và khả năng tái sử dụng bản điện tử dù đã có tiến ⁹⁹ (tỷ lệ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý: 52,72% ở bộ/ngành và 68,13% ở địa phương), n ⁵ 5 mg tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin từ hồ sơ số **hóa** vẫn rất **thấp**: chỉ 4,18% ở bộ/ngành và 40,71% ở địa phương. Việc **dữ liệu không được tái sử dụng** rộng rãi cho thấy hệ thống chưa tạo được luồng dữ liệu liên tục phục vụ tương tác công dân (ví dụ: truy vấn trạng thái hồ sơ, mời lấy ý kiến, phản ánh, giám sát quyết định), do đó hạn chế tính liên tục và hiệu quả của quyền tham gia qua nền tảng số.

Về tiến độ xử lý hồ sơ hành chính, Báo cáo số ¹⁸⁰ BC-BKHCN cho thấy sự chênh lệch đáng kể giữa các cấp trong hệ thống hành chính nhà nước. Cụ thể, tỷ lệ hồ sơ được xử lý đúng hoặc trước hạn tại cấp địa phương đạt khoảng 73,85% trên tổng số hồ sơ đã được đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia, trong khi ở khối bộ, ngành trung ương con số này chỉ đạt 2,16%. Sự khác biệt lớn này phản ánh tình trạng phân mảnh trong quản lý dữ liệu, quy trình nghiệp vụ và cơ chế phối hợp liên ngành. Nói cách khác, tỷ lệ hoàn thành hồ sơ cao ở địa phương chủ yếu thể hiện hiệu quả nội bộ của từng đơn vị hành chính, chứ chưa phản ánh

đầy đủ chất lượng và tính thông suốt của kênh tương tác giữa Nhà nước với công dân. Việc thiếu liên thông và chuẩn hóa dữ liệu giữa các cấp, các ngành không chỉ khó khăn cho việc theo dõi, giám sát tiến độ giải quyết thủ tục hành chính, mà còn làm giảm khả năng người dân tiếp cận, kiểm chứng và tham gia giám sát quá trình ra quyết định hành chính - một yếu tố cốt lõi để bảo đảm quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân trong môi trường số.

Về hạ tầng số, các chỉ tiêu tổng thể của quốc gia đạt mức tương đối cao, thể hiện qua tỷ lệ 99,8% dân số được phủ sóng 4G, 86,6% hộ gia đình sử dụng cáp quang, và sự hiện diện của trung tâm dữ liệu thương mại với tổng công suất thiết kế 221 MW. Tuy nhiên, những con số này chủ yếu phản ánh năng lực kỹ thuật ở cấp vĩ mô, trong khi bất cân xứng về chất lượng dịch vụ, năng lực vận hành trung tâm dữ liệu, hay năng lực quản trị dữ liệu tại cấp cơ sở (xã, phường) vẫn là “điểm nghẽn cuối cùng” trong quá trình hội nhập dân chúng với chính quyền. Nói cách khác, việc có hạ tầng phủ sóng rộng chưa đồng nghĩa với trải nghiệm dịch vụ công trực tuyến thuận tiện, an toàn và minh bạch cho mọi công dân ở mọi địa bàn.

Bên cạnh đó, Báo cáo chỉ ra nhiều hạn chế trong chuyển đổi thủ tục hành chính và liên thông cơ sở dữ liệu, khi không quy trình nghiệp vụ, nhiệm vụ số hóa hoặc chia sẻ dữ liệu chuyên ngành vẫn chưa hoàn thành. Năng lực nhân sự và năng lực tài chính hạn chế cũng là những yếu tố cản trở việc vận hành thống nhất các nền tảng số. Tất cả những yếu tố này làm cho quá trình tương tác hai chiều giữa Nhà nước và công dân qua môi trường số chưa thật sự sâu rộng và bền vững, qua đó hạn chế tính thực chất của quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân trong bối cảnh chuyển đổi sang mô hình chính quyền hai cấp. Những hạn chế cho thấy, để quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân được hiện thực hóa trong môi trường số, cần triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp từ thể chế đến năng lực chủ thể.

4. GIẢI PHÁP PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CÔNG NGHỆ SỐ NHẪM THÚC ĐẨY QUYỀN THAM GIA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CÔNG DÂN TRONG TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN HAI CẤP

Trong bối cảnh mô hình chính quyền được tổ chức lại theo hai cấp, công nghệ số không chỉ đóng vai trò là công cụ hỗ trợ điều hành hành chính, mà còn trở thành công cụ pháp lý - công nghệ góp phần cụ thể hóa quyền của công dân trong tham gia quản lý nhà nước. Trên cơ sở khung pháp lý và thực tiễn đã được phân tích, có thể định hướng một số giải pháp trọng tâm như sau:

4.1. Hoàn thiện thể chế pháp lý về quyền của công dân trong môi trường số

Trong giai đoạn chuyển đổi số quốc gia được triển khai sâu rộng hiện nay, thể chế pháp lý giữ vai trò trung tâm trong việc kiến tạo hành lang cho công dân thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước thông qua môi trường số. Việt Nam đã ban hành nhiều đạo luật nền tảng: Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Dữ liệu năm 2024, Luật Bảo vệ dữ liệu năm 2025 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. Các văn bản này không chỉ xác lập cơ sở pháp lý cho hoạt động trao đổi, chia sẻ dữ liệu, mà còn ứng đến việc tổ chức bộ máy hành chính thích ứng với quá trình quản trị số. Tuy nhiên, xét dưới góc độ bảo đảm quyền tham gia của công dân, hệ thống pháp luật hiện hành vẫn còn thiếu các quy định mang tính ràng buộc về trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc thiết lập, duy trì và vận hành cơ chế tham vấn, đối thoại, phản hồi trực tuyến hai chiều giữa Nhà nước và người dân.

Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 có yếu tố tập trung vào mô hình tổ chức, phân cấp và thẩm quyền giữa các cấp chính quyền, mà chưa đặt ra nghĩa vụ pháp lý bắt buộc với việc xây dựng và duy trì nền tảng trực tuyến để người dân có thể gửi ý kiến, phản ánh, góp ý hoặc tham gia vào quá trình hoạch định chính sách và ra quyết định hành chính tại địa phương. Chính vì vậy, ở nhiều địa phương, các công dịch vụ công mới dừng lại ở mức hỗ trợ kỹ thuật trong xử lý thủ tục hành chính, trong khi các kênh phản biện hoặc tham vấn ý kiến nhân dân vẫn còn mang tính hình thức, thiếu công cụ kiểm soát và đánh giá trách nhiệm giải trình.

Tương tự, Luật Giao dịch điện tử năm 2023 mặc dù đã thừa nhận giá trị pháp lý của thông điệp và giao dịch điện tử, nhưng vẫn chưa có quy định cụ thể về quy trình lấy ý kiến công dân trực tuyến (e-consultation) trong hoạt động quản lý nhà nước. Cùng với đó, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 vẫn chủ yếu duy trì hình thức tham vấn trực tiếp hoặc bằng văn bản giấy, chưa quy định tiêu chuẩn kỹ thuật, giá trị pháp lý và cơ chế phản hồi đối với ý kiến được gửi qua môi trường số. Vì vậy, các ý kiến của công dân trên nền tảng điện tử hiện chưa được coi là một hình thức tham gia có giá trị pháp lý ràng buộc để cơ quan nhà nước phải xem xét, tiếp thu hoặc phản hồi chính thức.

Đối với Luật Dữ liệu năm 2024, mặc dù văn bản này đã bước đầu đặt nền móng cho việc quản lý, chia sẻ và mở dữ liệu của cơ quan nhà nước, trong đó quy định rõ trách nhiệm công khai danh mục dữ liệu mở phục vụ lợi ích cộng đồng, nhưng thực tiễn triển khai vẫn còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là

đo chưa có bộ quy chuẩn thống nhất giữa các cấp chính quyền, dẫn đến sự phân n trong cấu trúc, tiêu chuẩn mô tả và cơ chế đồng bộ dữ liệu. Điều này gây khó khăn cho việc hợp, khai thác và tái sử dụng dữ liệu phục vụ hoạt động giám sát xã hội của người dân. Báo cáo của Cục Chuyển đổi số quốc gia cũng chỉ ra rằng, hạ tầng dữ liệu tại nhiều địa phương chưa đồng bộ, gây cản trở cho việc kết nối và chia sẻ thông tin phục vụ quản trị số ở cấp cơ sở.

Đáng chú ý, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 đã khẳng định quyền của chủ thể dữ liệu được xem, chỉnh sửa, yêu cầu và cung cấp dữ liệu cá nhân, song vì luật này chỉ bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 nên đến nay chưa có văn bản hướng dẫn chi tiết để thay thế Nghị định số 13/2023/NĐ-CP. Sự thiếu vắng quy định cụ thể về quy trình xử lý yêu cầu, xác thực danh tính và phản hồi trong hệ thống h chính công đã tạo ra khoảng trống pháp lý đáng kể, ảnh hưởng đến niềm tin số (digital trust) của công dân trong quá trình tương tác với chính quyền.

Từ những phân tích trên, việc hoàn thiện thể chế pháp lý nhằm bảo đảm quyền tham gia của công dân trong môi trường số cần được thực hiện đồng bộ trên bốn phương diện. Thứ nhất, cần bổ sung trong Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định rõ trách nhiệm bắt buộc của chính quyền cấp trong việc thiết lập, vận hành và duy trì nền tảng trực tuyến để người dân tham gia góp ý, phản ánh và tham dự vào quá trình ra quyết định hành chính, chính sách địa phương. Thứ hai, cần ban hành nghị định hướng dẫn quy trình lấy ý kiến công dân điện tử, trong đó xác định rõ giá trị pháp lý, tiêu chuẩn kỹ thuật và cơ chế công khai kết quả phản hồi của cơ quan nhà nước. Thứ ba, cần sớm xây dựng Bộ quy chuẩn dữ liệu mở thống nhất giữa các cấp chính quyền, bao gồm quy định về định dạng, mô tả dữ liệu (metadata) và quy trình bộ hóa thông tin, nhằm bảo đảm quyền tiếp cận, khai thác và giám sát dữ liệu của công dân. Thứ cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025, quy định rõ quy trình để người dân thực hiện các quyền đối với dữ liệu cá nhân trong hệ thống hành chính công, qua đó củng cố niềm tin số trong quan hệ giữa Nhà nước và công dân.

Việc hoàn thiện đồng bộ thể chế pháp lý không chỉ góp phần tăng cường tính minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình của chính quyền địa phương mà còn tạo dựng môi trường pháp lý thuận lợi để công dân thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước bằng phương thức số hóa, phù hợp với định hướng “lấy người dân làm trung tâm” trong Chiến lược chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030 được ban hành theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020.

4.2. Tăng cường năng lực hạ tầng và nền tảng công nghệ nhằm mở rộng quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân

Một trong những điều kiện nền tảng để bảo đảm quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân trong cảnh chuyển đổi số chính là việc phát triển đồng bộ hạ tầng và nền tảng công nghệ ứng dụng hiện nay cho thấy, sự khác biệt về khả năng đầu tư hạ tầng số giữa các vùng miền - đặc biệt giữa khu vực đô thị và vùng sâu, vùng xa - vẫn là nguyên nhân tạo ra khoảng cách số (digital divide), ảnh hưởng đáng kể đến cơ hội tiếp cận thông tin và tham gia vào các hoạt động hành chính công của người dân. Do đó, việc triển khai chiến lược tổng thể về hạ tầng số cần được đẩy mạnh theo hướng kết nối liên thông và bao trùm, bao phủ hệ thống mạng truyền dẫn tốc độ cao, trung tâm dữ liệu (data center), cùng các nền tảng nhận dạng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến thống nhất, nhằm bảo đảm mọi công dân đều có điều kiện bình đẳng khi tham gia các kênh tương tác với chính quyền hai cấp.

Song song với việc hoàn thiện hạ tầng, cần chú trọng phát triển các nền tảng thân thiện, có khả năng hỗ trợ tương tác hai chiều giữa người dân và cơ quan nhà nước, qua đó nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và trách nhiệm giải trình trong hoạt động quản lý. Đặc biệt, chính quyền địa phương nên chủ động phối hợp với doanh nghiệp công nghệ để thử nghiệm, vận hành và nhân rộng các nền tảng tham gia công dân (citizen engagement platforms), từ đó tạo môi trường khuyến khích người dân chủ động tham gia vào quy trình hoạch định và giám sát chính sách công.

4.3. Phát triển năng lực số, bảo đảm an ninh dữ liệu và củng cố niềm tin số của công dân

Nếu hạ tầng là điều kiện vật chất, thì năng lực số và niềm tin số (digital trust) chính là yếu tố tinh thần quyết định mức độ tham gia của công dân trong môi trường quản trị điện tử. Hiện nay, nhiều người dân vẫn còn hạn chế trong kỹ năng số, khả năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến hoặc nhận diện rủi ro bảo mật thông tin cá nhân. Để khắc phục tình trạng này, cần đẩy mạnh các chương trình phổ cập kỹ năng số cộng đồng, đặc biệt hướng đến nhóm yếu thế như người cao tuổi, phụ nữ nông thôn, học sinh - sinh viên.

Cùng với đó, chính quyền hai cấp cần hình thành cơ chế khuyến khích “văn hóa tham gia số” (digital participation culture), trong đó người dân được khuyến khích đóng góp ý kiến, phản biện và giám sát chính

sách một cách chủ động, có trách nhiệm. Mặt khác, việc đảm bảo an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và minh bạch hóa quy trình xử lý phản hồi là nền tảng của niềm tin số. Chính quyền địa phương cần tuân thủ nghiêm các quy định của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025, đồng thời thiết lập cơ chế giải trình số (digital accountability) cho phép công dân kiểm tra, cập nhật và chỉnh sửa dữ liệu của mình trên các hệ thống hành chính. Khi công dân cảm thấy dữ liệu của mình được tôn trọng và bảo vệ, họ sẽ sẵn sàng tham gia, tương tác và chia sẻ thông tin một cách tích cực, qua đó củng cố tính dân chủ và minh bạch của chính quyền số.

4.4. Phát huy nguồn lực xã hội và vai trò công dân trong thực thi quyền tham gia quản lý nhà nước trong môi trường số

Bên cạnh các giải pháp từ phía Nhà nước, việc phát huy vai trò chủ thể của công dân và huy động nguồn lực xã hội có ý nghĩa đặc biệt trong việc bảo đảm quyền tham gia quản lý nhà nước trong môi trường số. Mỗi cá nhân không chỉ có quyền được tham gia vào quá trình quản trị công, mà còn mang trách nhiệm công dân trong việc đóng góp ý kiến, phản biện, giám sát và đồng hành cùng cơ quan nhà nước trong hoạch định, thực thi chính sách. Khi công dân chủ động tham gia, quá trình này không chỉ giúp tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của bộ máy hành chính, mà còn củng cố lòng tin xã hội và nâng cao hiệu quả quản trị.

Để đạt được điều đó, cần chú trọng nâng cao kỹ năng số cho người dân, đặc biệt là khả năng khai thác phân tích và bảo vệ thông tin cá nhân trong môi trường mạng. Nhà nước nên kết hợp với các tổ chức xã hội, đoàn thể và doanh nghiệp để triển khai các chương trình phổ cập kỹ năng công nghệ, truyền thông số và nâng cao nhận thức về quyền công dân số. Việc tạo cơ hội cho người dân khu vực nông thôn, miền núi được tiếp cận công nghệ và tham gia các nền tảng trực tuyến sẽ góp phần thu hẹp khoảng cách số, đồng thời xây dựng môi trường tham gia minh bạch, bình đẳng và cởi mở hơn.

Ngoài ra, cần phát huy vai trò trung gian của các tổ chức xã hội, hiệp hội nghề nghiệp và nhóm cộng đồng trong việc tạo cầu nối giữa Nhà nước và người dân. Những chủ thể này có khả năng hỗ trợ người dân tổng hợp, phản ánh và chuyển tải ý kiến tập thể tới cơ quan công quyền một cách có hệ thống, góp phần nâng cao hiệu quả phản biện và giám sát xã hội trong không gian số.

Cuối cùng, quá trình phát huy nguồn lực xã hội cần được đặt trong mối quan hệ hài hòa giữa ba chủ thể: Nhà nước - công dân - xã hội. Từ đó, có thể hình thành cơ chế hợp tác dựa trên niềm tin và trách nhiệm chung, trong đó Nhà nước giữ vai trò kiến tạo, còn người dân và xã hội dân sự là lực lượng đồng hành, chủ động tham gia vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách công. Khi sự hợp tác này được củng cố, nền dân trị số ở Việt Nam sẽ dần chuyển từ mô hình “hành chính phục vụ” sang “quản trị cùng tham gia”, hướng đến một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện đại, minh bạch và lấy người dân làm trung tâm.

5. KẾT LUẬN

Quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân là một trong những biểu hiện quan trọng của dân chủ xã hội chủ nghĩa, phản ánh mức độ thực thi quyền lực của nhân dân trong đời sống chính trị và quản trị. Trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, việc mở rộng và bảo đảm thực chất quyền này không chỉ là yêu cầu khách quan của quản trị hiện đại mà còn là nội dung cốt lõi của xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Môi trường số đã và đang tạo ra những phương thức mới để người dân thực hiện quyền tham gia của mình thông qua nền tảng trực tuyến, cơ sở dữ liệu mở, cổng thông tin điện tử hay các ứng dụng phản ánh hiện trường, góp phần tăng tính minh bạch, hiệu quả và tương tác hai chiều giữa Nhà nước với công dân.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai tại Việt Nam cho thấy, mặc dù hệ thống pháp luật đã có bước tiến quan trọng - đặc biệt với việc ban hành Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và Luật Dữ liệu năm 2024 - song khung pháp lý về tham vấn, đối thoại và phản hồi ý kiến của công dân trên môi trường số vẫn chưa hoàn thiện. Các quy định hiện hành chủ yếu tập trung vào trị pháp lý của thông điệp, dữ liệu và giao dịch điện tử, trong khi quy trình, tiêu chuẩn thuật ngữ và cơ chế phản hồi đối với ý kiến của công dân vẫn chưa được quy định rõ ràng. Điều này khiến việc tham gia của người dân thông qua các kênh số mới chỉ dừng ở mức hỗ trợ hành chính, chưa thực sự trở thành công cụ ràng buộc trách nhiệm giải trình của cơ quan công quyền.

Để quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân được bảo đảm thực chất trong môi trường số, cần tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp lý theo hướng công nhận đầy đủ giá trị pháp lý của ý kiến, phản hồi và kiến nghị điện tử; thiết lập cơ chế phản hồi bắt buộc; đồng thời chuẩn hóa hạ tầng dữ liệu, bảo đảm kết nối, đồng

¹⁷⁵ bộ giữa các cấp chính quyền. Bên cạnh đó, việc ⁸⁸ nâng cao năng lực ⁵¹ cho đội ngũ cán bộ, công chức và người dân; ²⁵ tăng cường niềm tin số ^{thông} qua minh bạch thông tin, ^{bảo vệ dữ liệu cá nhân và xử lý} ²⁸ giảm vi phạm quyền số là những điều kiện tiên quyết để thúc đẩy sự tham gia hiệu quả và bình đẳng của công dân trong quản trị nhà nước hiện đại.

50%

SIMILARITY INDEX

PRIMARY SOURCES

1	tailieu.vn Internet	240 words — 3%
2	www.slideshare.net Internet	153 words — 2%
3	Ho Chi Minh National Academy of Politics Publications	97 words — 1%
4	duthaonline.quochoi.vn Internet	80 words — 1%
5	thuvienphapluat.vn Internet	74 words — 1%
6	luutruvn.com Internet	65 words — 1%
7	luatvietnam.vn Internet	64 words — 1%
8	sdh.ueh.edu.vn Internet	60 words — 1%
9	www.zbook.vn Internet	60 words — 1%
10	Ton Duc Thang University Publications	59 words — 1%
11	bqlkkt.laichau.gov.vn	

57 words — 1%

12 [tcnn.vn](#)
Internet

57 words — 1%

13 [huggingface.co](#)
Internet

47 words — 1%

14 [mic.mediacd.vn](#)
Internet

46 words — 1%

15 [tochucnhanuoc.gov.vn](#)
Internet

41 words — < 1%

16 [text.xemtailieu.net](#)
Internet

39 words — < 1%

17 [vi.quanlynhanuoc.vn](#)
Internet

39 words — < 1%

18 [aita.gov.vn](#)
Internet

35 words — < 1%

19 [moha.gov.vn](#)
Internet

34 words — < 1%

20 [moj.gov.vn](#)
Internet

34 words — < 1%

21 [baothaibinh.com.vn](#)
Internet

33 words — < 1%

22 [daihoctantrao.edu.vn](#)
Internet

33 words — < 1%

23 [cng-cdn.oxfam.org](#)
Internet

32 words — < 1%

24	Internet	31 words — < 1 %
25	philarchive.org Internet	31 words — < 1 %
26	tapchicongthuong.vn Internet	31 words — < 1 %
27	baophutho.vn Internet	29 words — < 1 %
28	tuvanphapluatdanang.com Internet	29 words — < 1 %
29	dantri.com.vn Internet	28 words — < 1 %
30	phattriennhanluc.vn Internet	27 words — < 1 %
31	vonga1153.wordpress.com Internet	27 words — < 1 %
32	buiduchien.wordpress.com Internet	26 words — < 1 %
33	lapphap.vn Internet	26 words — < 1 %
34	luanvan.co Internet	26 words — < 1 %
35	luatduonggia.vn Internet	25 words — < 1 %
36	moitruong.net.vn Internet	25 words — < 1 %

37	Internet	25 words — < 1 %
38	doimoisangtao.gov.vn Internet	24 words — < 1 %
39	gass.edu.vn Internet	24 words — < 1 %
40	vietnamnet.vn Internet	24 words — < 1 %
41	luanvanaz.com Internet	23 words — < 1 %
42	thanhuyhue.vn Internet	23 words — < 1 %
43	tttt.haugiang.gov.vn Internet	23 words — < 1 %
44	www.lapphap.vn Internet	23 words — < 1 %
45	www.truongchinhtritruongchinhnd.gov.vn Internet	21 words — < 1 %
46	www.vienkhpl.ac.vn Internet	21 words — < 1 %
47	123docz.net Internet	20 words — < 1 %
48	gas.hoasen.edu.vn Internet	20 words — < 1 %
49	papi.vn Internet	20 words — < 1 %

50	Internet	20 words — < 1 %
51	www.msn.com Internet	20 words — < 1 %
52	Pham T.T., Moeliono M., Nguyen T.H., Nguyen H.T., Vu T.H.. "Boi canh REDD+ Viet Nam: Nguyên nhân, doi tuong và the che", Center for International Forestry Research (CIFOR) and World Agroforestry Centre (ICRAF), 2012 Crossref	19 words — < 1 %
53	js.vnu.edu.vn Internet	19 words — < 1 %
54	maivanthangsl.blogspot.com Internet	19 words — < 1 %
55	nghegiaio.net Internet	19 words — < 1 %
56	npa.vn Internet	19 words — < 1 %
57	vi.m.wikipedia.org Internet	19 words — < 1 %
58	Banking Academy Publications	18 words — < 1 %
59	es.scribd.com Internet	18 words — < 1 %
60	hvtc.edu.vn Internet	18 words — < 1 %
61	nhandan.org.vn Internet	18 words — < 1 %
62	tapchiconsan.org.vn	

18 words — < 1%

63 [thuongmai.vn](#)
Internet

18 words — < 1%

64 [baolongan.vn](#)
Internet

17 words — < 1%

65 [cntt.gov.vn](#)
Internet

17 words — < 1%

66 [guland.vn](#)
Internet

17 words — < 1%

67 [luanvan.net.vn](#)
Internet

17 words — < 1%

68 [text.123docz.net](#)
Internet

17 words — < 1%

69 [thoibaotaichinhvietnam.vn](#)
Internet

17 words — < 1%

70 [www.klc.vn](#)
Internet

17 words — < 1%

71 [www.tinhdoanhungyen.org.vn](#)
Internet

17 words — < 1%

72 [www.vietwebpro.com](#)
Internet

17 words — < 1%

73 [mae.gov.vn](#)
Internet

16 words — < 1%

74 [tcdcpl.moj.gov.vn](#)
Internet

16 words — < 1%

75	Internet	16 words — < 1 %
76	tintuc.hues.vn Internet	16 words — < 1 %
77	wej.com.vn Internet	16 words — < 1 %
78	hatinh.gov.vn Internet	15 words — < 1 %
79	www.binhthuan.dcs.vn Internet	15 words — < 1 %
80	Hanoi National University of Education Publications	14 words — < 1 %
81	maclenin.blogspot.com Internet	14 words — < 1 %
82	s3.ap-southeast-1.amazonaws.com Internet	14 words — < 1 %
83	timdapan.com Internet	14 words — < 1 %
84	123doc.org Internet	13 words — < 1 %
85	cvdvn.net Internet	13 words — < 1 %
86	khcnbinhduong.gov.vn Internet	13 words — < 1 %
87	songphan.blogspot.com Internet	13 words — < 1 %

sotuphap.tuyenquang.gov.vn

88

Internet

13 words — < 1 %

89

tapchitaichinh.vn

Internet

13 words — < 1 %

90

www.thanhtravietnam.vn

Internet

13 words — < 1 %

91

(2-17-14)

12 words — < 1 %

http://115.78.239.30:8080/dspace/bitstream/DNULIB_52011/1662/1/gt_lu

Internet

92

Pham T.T., Bennett K., Vu T.P., Brunner J., Le N.D.,
Nguyen D.T.. "Chi tra dich vu môi trung
rung tai Viet Nam: Tu chnh sach den thuc tien",
Center for International Forestry Research (CIFOR) and World
Agroforestry Centre (ICRAF), 2013

Crossref

12 words — < 1 %

93

baothuathienhue.vn

Internet

12 words — < 1 %

94

hethongphapluat.com

Internet

12 words — < 1 %

95

lop9.com

Internet

12 words — < 1 %

96

lyluanchinhtri.vn

Internet

12 words — < 1 %

97

nhaquanly.vn

Internet

12 words — < 1 %

98

pcvietnam.vn

Internet

12 words — < 1 %

99

phuong4.tayninh.gov.vn

12 words — < 1 %

100 scholarshipplanet.info
Internet

12 words — < 1 %

101 thitruongtaichinhhtiente.vn
Internet

12 words — < 1 %

102 thuvien.hce.edu.vn:8080
Internet

12 words — < 1 %

103 tuha.vn
Internet

12 words — < 1 %

104 www.coursehero.com
Internet

12 words — < 1 %

105 www.ftech.vn
Internet

12 words — < 1 %

106 www.hca.org.vn
Internet

12 words — < 1 %

107 baclieu.gov.vn
Internet

11 words — < 1 %

108 chiemhoa.gov.vn
Internet

11 words — < 1 %

109 congly.com.vn
Internet

11 words — < 1 %

110 dic.gov.vn
Internet

11 words — < 1 %

111 giamayruaxe.tumblr.com
Internet

11 words — < 1 %

112	Internet	11 words — < 1 %
113	iluatsu.com Internet	11 words — < 1 %
114	langmai.org Internet	11 words — < 1 %
115	lawnet.vn Internet	11 words — < 1 %
116	luatsucaohung.blogspot.com Internet	11 words — < 1 %
117	nhatbaovanhoa.com Internet	11 words — < 1 %
118	nhuthanh.thanhhoa.gov.vn Internet	11 words — < 1 %
119	sldtbxh.thuathienhue.gov.vn Internet	11 words — < 1 %
120	tandaiviet.org Internet	11 words — < 1 %
121	tapchitoaan.vn Internet	11 words — < 1 %
122	tigifood.com Internet	11 words — < 1 %
123	tinhtankhaiminh.blogspot.com Internet	11 words — < 1 %
124	tmu.edu.vn Internet	11 words — < 1 %

125	Internet	11 words — < 1 %
126	vjol.info.vn Internet	11 words — < 1 %
127	vneconomy.vn Internet	11 words — < 1 %
128	www.airsofts.us Internet	11 words — < 1 %
129	www.ghexoayvanphong.vn Internet	11 words — < 1 %
130	www.hutech.edu.vn Internet	11 words — < 1 %
131	www.lawstudies.vn Internet	11 words — < 1 %
132	www.luatkhoa.org Internet	11 words — < 1 %
133	www.qdnd.vn Internet	11 words — < 1 %
134	www.vietnamplus.vn Internet	11 words — < 1 %
135	23winf.com Internet	10 words — < 1 %
136	Tạ Tuấn Anh. "QUẢN LÝ QUY TRÌNH XỬ LÝ HỒ SƠ LIÊN TỔ CHỨC TRONG HỆ THỐNG THÔNG TIN DỊCH VỤ CÔNG CỦA CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ", KỶ YẾU HỘI NGHỊ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ QUỐC GIA LẦN THỨ XII NGHIÊN CỨU CƠ BẢN VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, 2019 Crossref	10 words — < 1 %

137	bantuyengiao.haiduong.org.vn Internet	10 words — < 1 %
138	baotainguyenmoitruong.vn Internet	10 words — < 1 %
139	baothanhhoa.vn Internet	10 words — < 1 %
140	congbao.tayninh.gov.vn Internet	10 words — < 1 %
141	cssh.vinhuni.edu.vn Internet	10 words — < 1 %
142	drvn.gov.vn Internet	10 words — < 1 %
143	evngenco2.vn Internet	10 words — < 1 %
144	goandgotravel.com Internet	10 words — < 1 %
145	hieuhm.wordpress.com Internet	10 words — < 1 %
146	ngoithong.wordpress.com Internet	10 words — < 1 %
147	tailieumienphi.vn Internet	10 words — < 1 %
148	tnmthanam.gov.vn Internet	10 words — < 1 %
149	tuyengiaokontum.org.vn Internet	10 words — < 1 %

150	v1.ou.edu.vn Internet	10 words — < 1 %
151	vi.wikipedia.org Internet	10 words — < 1 %
152	vibonline.com.vn Internet	10 words — < 1 %
153	viettieuluan.com Internet	10 words — < 1 %
154	vksbinhphuoc.gov.vn Internet	10 words — < 1 %
155	vnexpress.net Internet	10 words — < 1 %
156	www.baoyenbai.com.vn Internet	10 words — < 1 %
157	www.fatima17.com Internet	10 words — < 1 %
158	www.fvhospital.com Internet	10 words — < 1 %
159	www.nhandan.org.vn Internet	10 words — < 1 %
160	1664.iut-fr.net Internet	9 words — < 1 %
161	animehay.cliphub.net Internet	9 words — < 1 %
162	backan.gov.vn Internet	9 words — < 1 %

163	binhthuan.org.vn Internet	9 words — < 1 %
164	cayghepimplantthammyy.blogspot.com Internet	9 words — < 1 %
165	congnghiepcongnghecao.com.vn Internet	9 words — < 1 %
166	dbndnghean.vn Internet	9 words — < 1 %
167	diap.gov.vn Internet	9 words — < 1 %
168	dinhthehuynh.org Internet	9 words — < 1 %
169	donga.edu.vn Internet	9 words — < 1 %
170	dost-bentre.gov.vn Internet	9 words — < 1 %
171	e-days.cc Internet	9 words — < 1 %
172	f.123doc.org Internet	9 words — < 1 %
173	fwt.fialda.com Internet	9 words — < 1 %
174	giasudaykem.edu.vn Internet	9 words — < 1 %
175	hdl.vn Internet	9 words — < 1 %

176	hoadondientu.edu.vn Internet	9 words — < 1 %
177	hoatieu.vn Internet	9 words — < 1 %
178	hoikhuyenhoc.vn Internet	9 words — < 1 %
179	infonet.vietnamnet.vn Internet	9 words — < 1 %
180	kontum.gov.vn Internet	9 words — < 1 %
181	lienhiephoikhkt.hatinh.gov.vn Internet	9 words — < 1 %
182	nguoihanoi.vn Internet	9 words — < 1 %
183	nhiettam.vn Internet	9 words — < 1 %
184	oxfamhk.org.vn Internet	9 words — < 1 %
185	quankhoasu-lichsvietnam.blogspot.com Internet	9 words — < 1 %
186	research.ieit.edu.vn Internet	9 words — < 1 %
187	ria.net.vn Internet	9 words — < 1 %
188	sotttt.baria-vungtau.gov.vn Internet	9 words — < 1 %

189	tai-lieu.com Internet	9 words — < 1 %
190	thongtinluong.blogspot.com Internet	9 words — < 1 %
191	tiasang.com.vn Internet	9 words — < 1 %
192	tiengtrung.vn Internet	9 words — < 1 %
193	tinnhanhchungkhoan.vn Internet	9 words — < 1 %
194	tuhaoviet.vn Internet	9 words — < 1 %
195	vanbanphapluat.co Internet	9 words — < 1 %
196	vieclam.vietnamnet.vn Internet	9 words — < 1 %
197	vnba.org.vn Internet	9 words — < 1 %
198	www.1vs.vn Internet	9 words — < 1 %
199	www.angiang.dcs.vn Internet	9 words — < 1 %
200	www.baodongthap.vn Internet	9 words — < 1 %
201	www.dfae.admin.ch Internet	9 words — < 1 %

202	www.gdt.gov.vn Internet	9 words — < 1 %
203	www.quanlynhanuoc.vn Internet	9 words — < 1 %
204	ze.thanglongxanh.vn Internet	9 words — < 1 %
205	8gd.cabonnecountry.com Internet	8 words — < 1 %
206	Pham T.T., Ngô H.C.. "Minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thực hiện chính sách lâm nghiệp tại Việt Nam", Center for International Forestry Research (CIFOR) and World Agroforestry Centre (ICRAF), 2020 Crossref	8 words — < 1 %
207	bandantoc.yenbai.gov.vn Internet	8 words — < 1 %
208	caicachhanhchinh.gov.vn Internet	8 words — < 1 %
209	danguy.vinhuni.edu.vn Internet	8 words — < 1 %
210	dbnd.quangnam.gov.vn Internet	8 words — < 1 %
211	dientutieudung.vn Internet	8 words — < 1 %
212	hnmu.edu.vn Internet	8 words — < 1 %
213	hocluat.vn Internet	8 words — < 1 %

214	ictnews.vietnamnet.vn Internet	8 words — < 1 %
215	ictvietnam.vn Internet	8 words — < 1 %
216	jos.hueuni.edu.vn Internet	8 words — < 1 %
217	maytinhhacninh.vn Internet	8 words — < 1 %
218	media.baokiemtoannhanuoc.vn Internet	8 words — < 1 %
219	mt.gov.vn Internet	8 words — < 1 %
220	nfsc.gov.vn Internet	8 words — < 1 %
221	nganhsuavietnam.vn Internet	8 words — < 1 %
222	nhandan.vn Internet	8 words — < 1 %
223	noichinh.vn Internet	8 words — < 1 %
224	sinhoanguyen.files.wordpress.com Internet	8 words — < 1 %
225	tamdiem247.com Internet	8 words — < 1 %
226	tc-consulting.com.vn Internet	8 words — < 1 %

227	tdu.edu.vn Internet	8 words — < 1 %
228	tennguoidepnhat.net Internet	8 words — < 1 %
229	thietbisuachuaoto.vn Internet	8 words — < 1 %
230	truongcanbothanhtra.gov.vn Internet	8 words — < 1 %
231	truongchinhtri.caobang.gov.vn Internet	8 words — < 1 %
232	www.gocnhinhoidai.org Internet	8 words — < 1 %
233	www.hcma.vn Internet	8 words — < 1 %
234	www.lacviet.vn Internet	8 words — < 1 %
235	www.laptop4pro.vn Internet	8 words — < 1 %
236	www.nguoi-viet.com Internet	8 words — < 1 %
237	www.noip.gov.vn Internet	8 words — < 1 %
238	www.quangcaoweb.vn Internet	8 words — < 1 %
239	www.technotes.vn Internet	8 words — < 1 %

240	www.timtailieu.vn Internet	8 words — < 1 %
241	www.tonvinhvanhoadoc.vn Internet	8 words — < 1 %
242	www.vnaccs.com Internet	8 words — < 1 %
243	Vietnam National University of Forestry Publications	7 words — < 1 %
244	nhandan.com.vn Internet	7 words — < 1 %
245	www.quan2.hochiminhcity.gov.vn Internet	7 words — < 1 %
246	VNUA Publications	6 words — < 1 %
247	lvmt288.wordpress.com Internet	6 words — < 1 %
248	sites.google.com Internet	6 words — < 1 %
249	Đào Anh Phương, Lê Quang Minh. "NGHIÊN CỨU, ĐỀ XUẤT KHUNG KIẾN TRÚC HỆ THỐNG THÔNG TIN TỔNG THỂ CHO CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG LẬP", KỶ YẾU HỘI NGHỊ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ QUỐC GIA LẦN THỨ XIII NGHIÊN CỨU CƠ BẢN VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - Proceedings of the 13th National Conference on Fundamental & Applied Information Technology Research, 2020 Crossref	6 words — < 1 %

EXCLUDE QUOTES OFF

EXCLUDE BIBLIOGRAPHY OFF

EXCLUDE SOURCES OFF

EXCLUDE MATCHES OFF